TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST Ngày 23-11-2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Bà Hoàng Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn L; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: Số x Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15-8-2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh L trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại

UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 26/11/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh L về chung sống với gia đình anh L tại tổ dân phố N, phường M. Anh L không có nghề nghiệp gì, không chịu làm ăn lại ham chơi theo bạn bè, không quan tâm gì đến vợ con. Chị bán hàng tạp hóa tại nhà của gia đình anh L. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng thường xuyên phát mâu thuẫn. Nguyên nhân làm do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Anh L ra ngoài có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh L có làm lái xe được mấy tháng nhưng tiền lương không về đưa cho vợ con. Vợ chồng độc lập với nhau trong chi tiêu sinh hoạt hàng ngày cũng như trong phát triển kinh tế. Anh L ham chơi cờ bạc, vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc. Trong thời gian anh L đi cải tạo, chị đang mang thai rồi sinh con, phải một mình nuôi con rất vất vả. Sau khi chấp hành án phạt tù xong, anh L trở về nhưng vẫn không chịu khó làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, đánh đuổi vợ con. Sau khi bị anh L đánh đuổi, chị và con đã chuyển về sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của chị. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh L vẫn không thay đổi. Chị là phụ nữ, sức chịu đựng có hạn, không thể tiếp tục chung sống cùng với anh L thêm được nữa. Từ khi chị nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến nay, anh L không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, bỏ mặc chị muốn giải quyết ra sao thì ra. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Đoàn Công T, sinh ngày 27/02/2016. Ly hôn, chị xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện nay đang bán hàng tạp hóa tại gia đình bố mẹ đẻ, có thu nhập ổn định, đảm bảo để nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, Biển số đăng ký 15A-245.44, tên chủ xe là Đoàn Văn L, đăng ký ngày 17/5/2016, có giá trị 240.000.000 đồng. Chị yêu cầu được chia ½ giá trị của chiếc xe ô tô trên bằng tiền là 120.000.000 đồng.

Về số tiền vay nợ: Anh chị có ký hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng TMCP Q số tiền là 130.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh chị đã ký hợp đồng thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, Biển số đăng ký 15A-245.44 nêu trên. Anh chị đã trả dần được số nợ trên, hiện nay chúng tôi còn nợ ngân hàng số tiền 60.000.000 đồng. Chị yêu cầu Tòa án buộc anh L phải có trách nhiệm trả ½ số tiền vay của Ngân hàng TMCP Q là 30.000.000 đồng.

Tại đơn đề nghị ghi ngày 17-10-2018 về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị N tự nguyện xin rút yêu cầu chia tài sản chung và số tiền vay nợ Ngân hàng TMCP Q của vợ chồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị N vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh L; về con chung, chị N yêu cầu được nhận nuôi cháu Thành và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung và số tiền vay nợ Ngân hàng

TMCP Q, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết như trong đơn đề nghị ghi ngày 17-10-2018.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án làm việc. Tòa án cũng đã mở các phiên hòa giải cho các đương sự, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia, do đó Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị N được ly hôn anh L. Về con chung, giao cháu Đoàn Công Thành cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp.

Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị N nộp đơn khởi kiện với anh Đoàn Văn L, anh L có nơi ĐKHKTT tại Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống tại Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vắng mặt tại phiên

tòa ngày 16-11-2018, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị N và anh L kết hôn trên cở sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 26/11/2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Lời khai của chị N trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng chị N và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống. Anh L ham chơi cờ bạc, vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc theo Bản án số 29/2015/HSST ngày 26-8-2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến làm việc, ra thông báo yêu cầu gửi lời khai và cung cấp chứng cứ, mở các phiên hòa giải cho các đương sự nhưng anh L không tham gia, không gửi lời khai, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, không có biện pháp gì cải thiện quan hệ hôn nhân để vợ chồng quay về đoàn tụ, bỏ mặc chị N giải quyết một mình. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm. Như vậy, có thể thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[5] Về nuôi con chung: Chị N và anh L có 01 con chung là Đoàn Công T, sinh ngày 27/02/2016. Anh L không đến Tòa án làm việc, không có lời khai đối với yêu cầu nuôi con. Chị N yêu cầu được nhận nuôi con, chị trình bày có công việc là bán hàng tạp hóa tại gia đình của bố mẹ đẻ, có thu nhập ổn định để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Gia đình chị N cũng có lời khai tạo điều kiện tốt nhất để chị nuôi dưỡng, chăm sóc con. Cháu T còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con của chị N. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về chia tài sản khi ly hôn: Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15-8-2018, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung của vợ chồng, đồng thời đề nghị giải quyết số tiền vay nợ tại Ngân hàng TMCP Q, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có đơn đề nghị ghi ngày 17-10-2018, chị tự nguyện xin rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và số tiền vay nợ Ngân hàng TMCP Q của vợ chồng nêu trên. Xét thấy số tiền vay nợ tại Ngân hàng TMCP Q của chị N và anh L được thế chấp bằng chiếc xe ô tô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, Biển số đăng ký

15A-245.44, tên chủ xe là Đoàn Văn L. Ngân hàng TMCP Q đã được Tòa án triệu tập và có công văn yêu cầu gửi ý kiến, nhưng Ngân hàng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có yêu cầu buộc chị N và anh L phải trả cho Ngân hàng số tiền chị N, anh L đã vay nợ. Như vậy, Ngân hàng TMCP Q đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Nên việc chị N rút đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và số tiền vay nợ của Ngân hàng TMCP Q là quyền của chị N không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng TMCP Q . Ngân hàng TMCP Q có thể khởi kiện chị N và anh L bằng vụ án khác. Căn cứ vào Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị N. Chị N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng.

[7] Về án phí: Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217, Điều 218, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đoàn Công T, sinh ngày 27-02-2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét hoặc đến khi chị N và anh L sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị N. Chị N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng.

4. Về án phí: Trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.050.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006868 ngày 24-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 3.750.000 (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh L và Ngân hàng TMCP Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND phường Hợp Đức;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường